

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-07-2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Y Khang Ê Ban- Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị Châu L– sinh năm: 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Bị đơn: Ông Lê Sỹ N- Sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 22/7 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1]. Theo đơn ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Châu L trình bày:

Tôi và ông Lê Sỹ N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/11/2006 (Trước đó ông N đã có vợ con nhưng đã ly hôn).

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cãi vã chửi bới lẫn nhau, ông N thường xuyên uống rượu không quan tâm đến gia đình, vợ con tôi khuyên can thì ông bạo lực gia đình dẫn đến cuộc sống gia đình lâm vào tình trạng bế tắc không hạnh phúc, từ lâu vợ chồng tôi

không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Sỹ N.

Về con chung: Tôi và ông N có 01 con chung: Cháu Lê Trần Anh K; sinh ngày 07/12/2007.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con chung đến tuổi thành niên vì tôi điều kiện và thời gian nuôi con chung còn ông N làm nhân viên khách sạn không có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Tôi làm nghề công chức thu nhập trên 8.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Lê Sỹ N: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông N không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn đã chấp hành tốt còn bị đơn chưa chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Châu L về việc xin ly hôn với ông Lê Sỹ N và giao cháu Lê Trần Anh K; sinh ngày 07/12/2007 cho bà Trần Thị Châu L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị Châu L và bị đơn ông Lê Sỹ N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Lê Sỹ N đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà L; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 07 tháng 07 năm 2021. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Sỹ N vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa bà L và ông N là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng bà L và ông N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà L yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa bà L và ông N không còn thương yêu, gắn bó với nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, giữa bà L và ông N không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà L và ông N là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L và cho bà L được ly hôn với ông N.

-Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung là: Cháu Lê Trần Anh K; sinh ngày 07/12/2007.

Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) vì bà L có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng của bà L là chính đáng và xét nguyện vọng của cháu K là muốn được ở với bà L nên cần giao cháu Lê Trần Anh K; sinh ngày 07/12/2007 cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Châu L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Châu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Châu L được ly hôn với ông Lê Sỹ N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Anh K; sinh ngày 07/12/2007 cho bà Trần Thị Châu L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Lê Sỹ N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trần Thị Châu L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung Trần Thị Châu L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị Châu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0013661 ngày 05/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Hoàng Cao Cường không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã Ea Kao
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ